

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 tháng 9 năm 2021

*“V/v không công nhận vợ chồng tranh chấp
tài sản chung , nợ chung và nuôi con chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hối

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phụng.

2. Ông Y Đung Knul.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “ Không công nhận vợ chồng, tranh chấp tài sản chung, nợ chung và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11 /2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST ngày 23/8/2021, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST- HNGĐ ngày 01/9/2021, thông báo mở lại phiên tòa ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Như M - sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Đức T – sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người có quyền lợi liên quan:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch B M T.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn D - Giám đốc.

Người được ủy quyền lại: ông Võ Nguyên Th.

Địa chỉ: 27 Q T, Phường Th, Tp. B M T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Ngân hàng chính sách xã hội huyện B.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Võ Khắc H - Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/4/2021 và trong quá trình tố tụng, tại buổi hòa giải ngày 14/9/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Như M trình bày:

Bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2001 tại xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2003 thì chuyển về thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Về con chung: có 02 con chung là Hồ Như Y - sinh ngày 26/3/2002; Hồ Gia Nh - sinh ngày 06/01/2009.

Về tài sản chung: 01 thửa đất được UBND huyện Buôn Đôn cấp GCNQSD Đ số X838584, thửa số 56, tờ bản đồ số 08, diện tích 300m², tại thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2014 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Th, trú tại thôn 16, xã T diện tích 158m², (diện tích còn lại là 142m²).

Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4.

Về nợ chung:

Nợ ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch Tp. B M T.

Địa chỉ: 27 Q T, Tp. B M T, tỉnh Đắk Lắk số nợ gốc 200.000.000 đồng(hai trăm triệu đồng), nợ lãi: 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện B số nợ gốc 30.000.000 đồng và lãi.

Yêu cầu giải quyết của bà Hoàng Như M:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Hồ Đức T.

Về con chung: xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Gia Nh - sinh ngày 06/01/2009 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

Về tài sản chung: đề nghị giao toàn bộ tài sản cho ông Hồ Đức Tuấn.

Về nợ chung: đề nghị giao cho ông Tuấn trả nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch Tp. B M T và ngân hàng Chính sách xã hội huyện B.

Trong bản tự khai ngày 14/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, trong buổi hòa giải ngày 14/9/2021 bị đơn ông Hồ Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân ông đồng ý với lời khai của bà Hoàng Như M. Ông và bà M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2001 tại xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2003 thì chuyển về thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Về tài sản chung và nợ chung ông đồng ý như lời khai của bà Hoàng Như M.

Yêu cầu của ông:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Hoàng Như M theo quy định của pháp luật.

Về con chung: đồng ý giao cho bà Hoàng Như M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Gia Nh - sinh ngày 06/01/2009 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

Về tài sản chung: ông xin được quản lý toàn bộ nhà đất.

Về nợ chung: ông nhận trả nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch Tp. B MT và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B.

Người có quyền lợi liên quan:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch B M T -Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn D - Giám đốc- người được ủy quyền lại: ông Võ Nguyên Th: ngày 19/5/2021 đã có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu ông Hồ Đức T và bà Hoàng Như M trả số nợ gốc quá hạn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và nợ lãi.

Đến ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại buổi hòa giải với bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T, ông Võ Nguyên Th đã đồng ý việc giao toàn bộ tài sản chung cho ông T quản lý, ông T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) số nợ tính đến ngày 14/9/2021 tổng cộng là 230.089.973 đồng (hai trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021 đến khi trả xong. Hạn thanh toán cuối cùng là ngày 14/10/2021. Quá hạn trên ông T không thanh toán, Ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện B- Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Võ Khắc H - Giám đốc, ngày 12/5/2021 đã có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu ông Hồ Đức T và bà Hoàng Như M trả số nợ gốc: 30.000.000 đồng(ba mươi triệu đồng) và nợ lãi.

Đến ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại buổi hòa giải với bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T, ông Võ Khắc H đã đồng ý việc giao toàn bộ tài sản chung cho ông T quản lý, ông T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Buôn Đôn nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2021 là 30.661.233 đồng(ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021 đến khi trả xong.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14,15,16, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 219, Điều 463,466,468 Bộ luật dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận vợ chồng giữa bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự ngày 14/9/2021:

Về con chung: giao cháu Hồ Gia Nh sinh ngày 06/1/2009 cho bà Hoàng Như M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Về trợ cấp nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: giao cho ông Hồ Đức T quản lý đất, tài sản trên đất (thửa số 56 tờ bản đồ số 08, diện tích còn lại 143m² sau khi sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Th 158m² trị giá 440.898.666 đồng, bằng chữ: bốn trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Ông Hồ Đức T phải bù lại cho bà Hoàng Như M số tiền chênh lệch về tài sản là: 90.730.730 đồng (chín mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Về nợ chung: ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện B nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2021 là 30.661.233 đồng(ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021 đến khi trả xong.

Ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) số nợ tính đến ngày 14/9/2021 tổng cộng là 230.089.973 đồng (hai trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021 đến khi trả xong. Hạn thanh toán cuối cùng là ngày 14/10/2021. Quá hạn trên ông T không thanh toán, Ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Áp dụng điểm a,b khoản 5 Điều 27 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hoàng Như M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Đức T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ trả nợ và đối với giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không phải chịu án phí DSST. Trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí của ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch Tp. Buôn Ma Thuột và ngân hàng chính sách xã hội huyện Buôn Đôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe nguyên đơn trình bày và yêu cầu, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Như M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Hồ Đức T là quan hệ pháp luật yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp tài sản chung và nuôi con chung theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2001 tại xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2003 thì chuyển về thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Về con chung: có 02 con chung là Hồ Như Y - sinh ngày 26/3/2002; Hồ Gia Nh - sinh ngày 06/01/2009.

Về tài sản chung: 01 thửa đất được UBND huyện Buôn Đôn cấp GCNQSD Đ số X838584, thửa số 56, tờ bản đồ số 08, diện tích 300m², tại thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2014 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Th, trú tại thôn 16, xã T diện tích 158m², (diện tích thực tế còn lại là 143m²). Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4.

Về nợ chung:

Nợ ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch Tp. B MT số nợ gốc 200.000.000 đồng(hai trăm triệu đồng) và lãi.

Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện B số nợ gốc 30.000.000 đồng và lãi.

Qua xem xét thẩm định tài sản chung của bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T cụ thể: Diện tích đất còn lại của thửa số 56, tờ bản đồ số 08, diện tích 300m², tại thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Năm 2014 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Th, trú tại thôn 16, xã Tân Hòa diện tích 158m²) Đất có vị trí: Nam giáp đường thôn 4,96m.

Bắc giáp Hoàng Thị N 4,87m.

Đông giáp bà T 29,2m

Phía Tây giáp bà Nguyễn Thị Th 29,2m.

Diện tích thực tế là 143m².

Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 mái tôn, nền gạch hoa. Một nhà tắm+ nhà vệ sinh 7,4m². Một bộ bàn ăn nhỏ. Một máy giặt. Một tủ lạnh. 02 giường. 02 tủ nhỏ quần áo.

Theo biên bản định giá ngày 25/6/2021, giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (nhà ở, nhà tắm, nhà vệ sinh và vật dụng trong nhà): 440.898.666 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Đến ngày 14/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự: nguyên đơn bà Hoàng Như M; bị đơn ông Hồ Đức T; Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch B M T - người được ủy quyền lại: ông Võ Nguyên Th; Ngân hàng chính sách xã hội huyện B- Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Võ Khắc H - Giám đốc. Các đương sự đã đi đến thỏa thuận như sau:

Về con chung: giao cháu Hồ Gia Nh sinh ngày 06/1/2009 cho bà Hoàng Như M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Về trợ cấp nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: giao cho ông Hồ Đức T quản lý đất, tài sản trên đất (thửa số 56 tờ bản đồ số 08, diện tích còn lại 143m² sau khi sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Th 158m² trị giá 440.898.666 đồng,(bằng chữ: bốn trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Ông Hồ Đức T phải bù lại

cho bà Hoàng Như M số tiền chênh lệch về tài sản là: 90.730.730 đồng (chín mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Về nợ chung: ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện B nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2021 là 30.661.233 đồng (ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021 đến khi trả xong.

Ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) số nợ tính đến ngày 14/9/2021 tổng cộng là 230.089.973 đồng (hai trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021 đến khi trả xong. Hạn thanh toán cuối cùng là ngày 14/10/2021. Quá hạn trên ông T không thanh toán, Ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T là quan hệ hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc nhưng không đăng ký kết hôn. Nên cần chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Hoàng Như M, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T là phù hợp với các Điều 9,14 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T đều thỏa thuận giao cháu Hồ Gia Nh sinh ngày 06/01/2009 cho bà Hoàng Như M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), về trợ cấp nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận của các đương sự phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hồ Gia Nh đã trên 7 tuổi, cần được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T thỏa thuận (được sự đồng ý của ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Buôn Đôn): giao cho ông Hồ Đức T quản lý toàn bộ tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, ông T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Buôn Đôn. Sự thỏa thuận của các đương sự tại buổi hòa giải ngày 14/9/2021 là phù hợp với các quy định tại Điều 9, 14,15,16, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 219, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Áp dụng điểm a,b khoản 5 Điều 27 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các đương sự thỏa thuận được về nợ chung, tài sản chung trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% án phí theo quy định.

Bà Hoàng Như M phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ ST và 2.268.268 đồng án phí DSST.

Ông Hồ Đức T phải chịu 6.518.780 đồng án phí DSST đối với phần nghĩa vụ trả nợ và 2.268.268 đồng đối với giá trị tài sản được hưởng. Tổng cộng ông Hồ

Đức T phải chịu 8.787.048 đồng án phí DSST.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không phải chịu án phí DSST. Trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí của ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch Tp. B M T và ngân hàng chính sách xã hội huyện B.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, căn cứ Điều 158 và Điều 165, 166 Bộ luật tố tụng Dân sự, đối với khoản tiền chi phí 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T mỗi người phải chịu một nửa là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Hồ Đức T phải hoàn trả cho bà Hoàng Như M số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15, 16, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 219, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điểm a, b khoản 5 Điều 27 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

I. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Như M, chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch B M T và Ngân hàng chính sách xã hội huyện B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hồ Gia Nh - sinh ngày 06/01/2009 cho bà Hoàng Như M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Hồ Đức T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: ông Hồ Đức T được quyền sử dụng Diện tích đất còn lại của thửa số 56, tờ bản đồ số 08, diện tích 300m², tại thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Năm 2014 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Th, trú tại thôn 16, xã T diện tích 158m²) Đất có vị trí:

Nam giáp đường thôn 4,96m.

Bắc giáp Hoàng Thị N 4,87m.

Đông giáp bà T 29,2m

Phía Tây giáp bà Nguyễn Thị Th 29,2m.

Diện tích thực tế là 143m².

Và tài sản trên đất (01 nhà xây cấp 4 mái tôn, nền gạch hoa. Một nhà tắm+ nhà vệ sinh 7,4m². Một bộ bàn ăn nhỏ. Một máy giặt. Một tủ lạnh. 02 giường. 02 tủ nhỏ quần áo), tổng giá trị là 440.898.666 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông Hồ Đức T phải trả cho bà Hoàng Như M số tiền chênh lệch về tài sản là 90.730.730 đồng (chín mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

4.Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện B nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2021 là 30.661.233 đồng(ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021 đến khi trả xong.

Ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) số nợ tính đến ngày 14/9/2021 tổng cộng là 230.089.973 đồng (hai trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2021 đến khi trả xong. Hạn thanh toán cuối cùng là ngày 14/10/2021. Quá hạn trên ông T không thanh toán, Ngân hàng Đầu tư chi nhánh Đắk Lắk (BIDV) sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

II.Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Về án phí: Áp dụng điểm a,b khoản 5 Điều 27 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Hoàng Như M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.268.268 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 2.568.268 đồng (hai triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng). Khấu trừ vào số tiền 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) bà Hoàng Như M đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0002274 ngày 08/4/2021, hoàn trả cho bà Hoàng Như M 231.732 đồng (hai trăm ba mươi một nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).

Ông Hồ Đức T phải chịu 6.518.780 đồng án phí DSST đối với phần nghĩa vụ trả nợ và 2.268.268 đồng đối với giá trị tài sản được hưởng. Tổng cộng ông Hồ Đức T phải chịu 8.787.048(tám triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi tám đồng) đồng án phí DSST.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.Trả lại số tiền 5.511.000 đồng (năm triệu năm trăm mười một nghìn đồng) của ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch Tp. B M T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002690 ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Buôn Đôn. Trả lại số tiền 755.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) của ngân hàng chính sách xã hội huyện B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002677 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Buôn Đôn.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, căn cứ Điều 158 và Điều 165,166 Bộ luật tố tụng Dân sự, đối với khoản tiền chi phí 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bà Hoàng Như M và ông Hồ Đức T mỗi người phải chịu một nửa là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Hồ Đức T phải hoàn trả cho bà Hoàng Như M số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

III. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện Buôn Đôn;
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Trọng Hối

